

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nga;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Nữ Kiên Đ, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Tổ A, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Tổ H, ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2026 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Nữ Kiên Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ và ông Phạm Văn T chung sống với nhau từ năm 2020, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, bà Đ và ông T về chung sống với gia đình ông T ở tổ H, ấp T, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc chưa được một năm thì ông T thay đổi tính tình; thường xuyên đi uống rượu, bỏ nhà đi mấy ngày không về, gia đình không biết đi đâu; có lần uống rượu say xỉn còn đánh bà Đ; trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; ông T không có trách nhiệm với con chung mà thoái

thác trách nhiệm cho bà Đ và cha mẹ ông T. Đến tháng 02/2025, bà Đ đã dọn về ở nhà cha mẹ ruột của bà Đ ở tổ A, ấp H, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay, vợ chồng không còn thường xuyên liên lạc với nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau.

Nay bà Đ nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần ly hôn để giải thoát để ổn định cuộc sống, nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Đ và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 05/10/2020. Con chung đang do bà Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Bà Đ hiện đang làm được sĩ tại Trạm y tế xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. Thu nhập hàng tháng từ hơn 8.000.000 đồng, đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định và được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ vắng mặt và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông T vắng mặt không lý do. Nguyên đơn không có đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung, rút một phần hay toàn bộ nội dung khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Võ Thị N1 Kiên Định khởi kiện bị đơn ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Võ Thị Nữ Kiên Đ và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Đ: Vợ chồng chung sống hạnh phúc chưa được một năm thì ông T thay đổi tính tình, thường xuyên đi uống rượu không về nhà, có đánh bà Đ, trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; ông T không có trách nhiệm với con chung. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 02/2025 cho đến nay, không còn thường xuyên liên lạc với nhau, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau.

Lời trình bày của bà Đ là phù hợp với kết quả xác minh xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông T là do ông Đ có uống rượu và vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 02/2025 cho đến nay.

Nay bà Đ nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần ly hôn để ổn định cuộc sống, nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Xét thấy ngày 13/01/2026, bà Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án và vụ án được Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn ông T nhiều lần để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải đoàn tụ hôn nhân nhưng ông T vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Điều này cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cuộc sống vợ chồng với bà Đ, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ.

Căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Đ và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được, cần chấp nhận cho bà Đ được ly hôn với ông T để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên.

[2.2] Về con chung: Bà Đ và ông T có 01 con chung là cháu Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 05/10/2020.

Tòa án cũng đã triệu tập bị đơn ông T nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong đó có yêu cầu về người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng ông T vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Đ.

Theo kết quả xác minh, con chung hiện nay đang do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; bà Đ hiện có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tốt hơn. Mặt khác con chung là bé gái cần có sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần áp dụng quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014 và hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung, cần chấp nhận cho bà Đ được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4 và Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N1 Kiên Định đối với bị đơn ông Phạm Văn T về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

1.1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị N1 Kiên Định được ly hôn với ông Phạm Văn T.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Võ Bảo N, sinh ngày 05/10/2020 cho bà Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích hợp pháp của con chung dưới 18 tuổi, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị N1 Kiên Định chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0009121 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm

Nguyễn Kim Lý

Đỗ Thị Nhung

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên

